

# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 320, NĂM THỨ 26

THÁNG 2-2021



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)  
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TỈNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

## Mục Lục

<u>Nói về Nghiệp</u>	BBT	3
<u>Thiền định một ph. pháp biến cải tâm linh</u>	H. Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 371 Phẩm Tỳ Kheo</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	8
<u>Ông Sư Nhà Quê</u>	Vũ Văn Quý	8
<u>Đêm Đầu Đà ôn duyệt 4 Thánh Đế</u>	Như Không	14
<u>Hư Hư Lục: Thằng bạn bả lrong</u>	Thích Nữ Như Thủy	15
<u>Đêm Đầu Đà</u>	Như Không	16
<u>Thơ: Vết ran</u>	Tuệ Sỹ	18
<u>Tranh Chăn Trâu</u>	Bùi Phạm Thành	19
<u>Lá Thư Ngày Tết</u>	Viện Tăng Thống GHPGVNTN	25
<u>Thơ: Ta về</u>	Như Nhiên	26
<u>Thiền sư Suzuki Người đưa Thiền vào Mỹ</u>	Hh Kim Quang	27
<u>Bâng khuâng, Mùa Xuân lại về</u>	Nguyễn Hạnh HTD	30

Tranh bìa

## Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có**

**bài đăng trong**

**Nguyệt San Phật Học**

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập**

**Nguyệt San Phật Học**

# Nói về Nghiệp

Theo đạo Phật, mọi vật có trên đời đều có Nghiệp, có Nghiệp nên mới hiện hữu, cho đến khi nào hết nghiệp sẽ không còn hiện hữu ở thế gian.

Nghiệp có nhiều loại nhưng có 2 loại chính sau đây là Biệt nghiệp và Cộng nghiệp. Biệt nghiệp là nghiệp riêng lẻ của mỗi chúng sinh, cho nên không có chúng sinh nào giống chúng sinh nào, chúng ta thấy có những người sinh đôi, hai người có thể có hình dạng tương đối giống nhau, nhưng cũng có những khác biệt về hình dạng cũng như tánh tình.

Cộng nghiệp là nghiệp chung, chẳng hạn như con người là nghiệp chung con người, con chim là nghiệp chung của loài chim, con cá là nghiệp chung của loài cá. Con người lại có nghiệp chung của người da trắng, người da đen, người Mỹ, người Pháp, người Việt, người Hoa, người Ấn ... Người Việt có người ở trong nước, có người ở Hải Ngoại.

Trong cộng nghiệp hiện nay, có hàng triệu người bị lây nhiễm Covid-19, có hàng tỉ người không bị lây nhiễm, nhưng đều bị giới hạn đi lại, đời sống bị khó khăn.

Nhiều người bị lây nhiễm nhưng có người thiệt mạng, có người không để thấy rõ cộng nghiệp và biệt nghiệp.

Sống trong xã hội có kẻ giàu, người nghèo, kẻ bệnh tật, người khỏe mạnh, kẻ lành lặn, người tật nguyền đều do cộng nghiệp và biệt nghiệp gây ra.

Nghiệp do thân, khẩu, ý tức là chẳng những do hành động tạo ra, mà còn do lời nói tạo ra, hơn nữa cũng do ý nghĩ tạo ra.

Kết quả của nghiệp có nghiệp lành, nghiệp dữ và nghiệp trung tính.

Khi người ta tạo nghiệp lành hay dữ đều đều có lãnh cái quả tốt hay xấu, chỉ có nghiệp trung tính không mang lại quả.

Khi người ta gieo nhân sẽ gặt hái quả, nhưng do điều kiện nhân duyên, nên quả có thể xảy ra trong đời hiện tại hoặc ở những kiếp sau.

Do vậy trong hiện tại mùa dịch bệnh ai cũng lo sợ bất an, nhưng kết quả do nghiệp mà có. Vì vậy chúng ta cần phải kiên cố, đề phòng và luôn tạo Thiện Nghiệp để có cuộc đời tốt lành cho hôm nay cũng như mai sau.

BBT/NS/PHẬT HỌC

# Thiền định

## một phương pháp biến cải tâm linh

**Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita**  
Hoang Phong chuyên ngữ

### Bài 6

## Sự bình lặng của Đức Phật

Trong kinh điển nói chung có rất nhiều giai thoại nêu lên các phẩm tính của Đức Phật, và tất cả đều rất tuyệt vời.

Sự bình lặng (*calm/equanimity/upekkha/sự trầm tĩnh, yên lặng và thanh thản*) của Đức Phật cùng sự yêu thích yên tĩnh của Ngài, hiện lên thật rõ nét qua sự hiện hữu của chính Ngài. Phẩm tính đó được nêu lên qua một câu chuyện nổi tiếng về vị Jivaka (Kỳ Bà) là y sĩ của Đức Phật và của cả vua Ajatasattu (A-xà-thế).

Một hôm, vua Ajatasattu cùng với triều thần ngồi ngắm trăng trên sân thượng của hoàng cung, một con trăng tháng mười thật rạng rỡ, đúng vào mùa hoa sen nở. Họ cùng nây ý mượn đêm tuyệt vời đó để viếng thăm một vị thánh nhân. Tục lệ này rất thông thường trong sinh hoạt xã hội của nước Ấn: một đêm trăng tuyệt vời không phải là dịp để kéo nhau ăn uống trên bãi biển, mà là dịp giúp mình viếng thăm một vị thánh nhân nào đó.

Xuất hành ra khỏi hoàng cung là cả một nghi lễ long trọng. Kinh sách cho biết 500 con voi được thắt yên, trên lưng mỗi con voi là một cung phi (*hình ảnh 500 cung phi trên lưng 500 thớt voi giải thích phần nào lý do tại sao Ajatasattu đã giết vua cha để sớm lên ngôi*), dẫn đầu là vua Ajatasattu

cùng với người hướng dẫn là Jivaka (*tức là vị y sĩ của Đức Phật, của vua tiền nhiệm Bimbisara/Tần-bà Sa-la và cả của vua đương thời là Ajatasattu*). Cả đoàn lên đường viếng thăm Đức Phật trong một khu rừng thật sâu (*câu chuyện này được trích từ kinh Samannaphala-Sutta/Sự lợi ích của cuộc sống cách ly, Trường bộ kinh/Digha Nikaya, DN 2*).

Thế nhưng khi vừa tiến vào rừng thì quang cảnh âm u cũng bắt đầu hiện ra, khiến mọi người đều lo lắng, nhất là đối với vua Ajatasattu. Thật vậy, ngoài công việc đa đoan và các mối lo lắng nơi hoàng triều, Ajatasattu còn bị ám ảnh bởi những cảm nghĩ tội lỗi trong lòng vì việc lên ngôi bất chính của mình (*Ajatasattu nhót cha là vua Bimbisara vào ngục, và bỏ đời đến chết để sớm lên ngôi*). Vua Ajatasattu bắt đầu hoảng sợ và có ý ngờ vực, bèn ra lệnh cho cả đoàn dừng lại và hỏi Jivaka: "Này Jivaka, có phải ông định đưa ta lọt bẫy hay sao?". Jivaka đáp lại: "Thưa Hoàng thượng, xin Hoàng thượng chớ ngại, sắp đến nơi rồi. Đức Phật ở thật sâu trong rừng".

Đoàn người lại tiếp tục tiến sâu thêm, quang cảnh lại càng âm u và yên lặng hơn. Ngoài tiếng sột soạt của 500 thớt voi - dù chúng bước đi thật yên lặng - không ai nghe thấy một tiếng động nào khác. Ajatasattu lại hỏi Jivaka: "Ông có chắc là không đưa ta lọt bẫy chứ?". Jivaka trấn an: "Thưa Hoàng Thượng, chớ ngại chẳng có cái bẫy nào ở đây cả".

Thế nhưng Ajatasattu vẫn không yên lòng: "Ông từng bảo với ta là Đức Phật sống với một Tăng đoàn 2500 tỳ-kheo (*trong kinh và theo bản dịch của Thanissaro Bhikkhu là 1250 tỳ-kheo, sự sai lệch có thể là do cách viết số trong tiếng Pali (?), dấu sao cũng chỉ là một chi tiết*) vậy thì cách xa một dặm cũng phải nghe thấy tiếng động của họ chứ, tại sao cảnh vật lại cứ im phăng phắc như thế này?". Jivaka lại trấn an: "Xin Ngài đừng quá lo sợ. Trông kia! Ngài có trông thấy tí đàng kia ánh sáng leo lét hắt ra từ gian lều của Đức Phật hay không?". Thật ra, Đức Phật đang ngồi im giữa một khu rừng thưa, chung quanh là 2500 đệ tử, tất cả đang lắng sâu vào một sự yên lặng mênh mông, dưới ánh trăng rạng rỡ của một đêm rằm.

Ajatasattu, trong lòng lúc nào cũng canh cánh sợ hãi và ngờ vực, chợt cảm thấy bàng hoàng trước quang cảnh [êm ả và bình lặng] trước mắt mình, bèn thốt lên với Jivaka như sau: "Tuyệt vời thay! Nay Jivaka, ta ước mơ con trai ta cũng sẽ cảm nhận được một sự bình an như thế trong lòng mình" (*Ajatasattu thốt lên ước mơ đó biết đâu là vì tương lai của chính mình, một sự lo sợ bên trong tiềm thức của mình?*).

Tại Ấn-độ người ta thường chú trọng đến con trai [cả] trong gia đình và cầu mong mọi sự tốt đẹp sẽ xảy đến với người con ấy (*trong trường hợp này là vua Ajatasattu mong muốn con mình sẽ tìm thấy được sự an bình, không như mình đã giết cha để lên ngôi, Jivaka là một người rất khôn khéo và tế nhị, luôn tìm cách và tìm dịp khiến Ajatasattu hối hận về hành động bạo ngược của mình trước đây với mục đích biến cải Ajatasattu*). Thêm một lần nữa, [qua câu chuyện trên đây], Đức Phật đã truyền lại cho chúng ta một thông điệp thật tiêu biểu, phản

ảnh từ con người của chính Ngài: đó là lòng yêu thích sự an bình, cảnh cô quạnh và yên lặng. Lại thêm một lần nữa, dù Đức Phật không còn bên cạnh, thế nhưng chúng ta vẫn tiếp tục cảm nhận được cái thông điệp đó của Ngài, tất cả là nhờ các đệ tử của Ngài vẫn còn nhớ được những gì mà Ngài muốn lưu lại cho chúng ta hôm nay (*qua một quãng đường thật dài hơn 2500 năm, không biết bao nhiêu vị bồ-tát đã gánh trên lưng cái thông điệp đó để trao lại cho chúng ta hôm nay. Là những người đi sau, chúng ta có cảm thấy chẳng cái trách nhiệm đó mà họ đã để lại cho chúng ta hay không?*).

Ngoài ra các đệ tử của Đức Phật cũng còn nhớ được nhiều câu chuyện khác, có thể xem như là các phép lạ vậy. Họ từng nghe thấy hoặc trông thấy nhiều hiện tượng thật lạ lùng hiện ra chung quanh sự hiện diện của Đức Phật. Các hiện tượng hay sự kiện đó thật khó giải thích bằng sự hiểu biết thông thường, chẳng hạn như trường hợp họ thuật lại khi Đức Phật nằm nghỉ giữa đêm khuya, họ trông thấy các *deva* - tức là các "thiên nhân" - hiện lên chung quanh Ngài. Họ còn cho biết thêm là các thiên nhân ấy sở dĩ hiện lên là để học hỏi với Ngài. Đức Phật thuyết giảng *Dhamma* cho các *deva* trong đêm, và ban ngày thì thuyết giảng cho con người.

Sự hiển hiện của các *deva* không phải là một phép lạ, mà là một *pratiharya*. (*tiền ngữ prati trong tiếng Phạn có nghĩa, trong trường hợp này có nghĩa là sự chứng nhận, và arya là cao quý*). *Pratiharya* là các giai thoại nêu lên trong *Mahavastu*, (*vastu có nghĩa là sự kiện hay câu chuyện, Mahavastu có nghĩa là "Các câu chuyện lớn" - kinh sách Hán ngữ gọi là "Kinh Đại-sư" - là một trước tác của một học phái xưa là Lokottaravada, thuật lại các câu chuyện tiền thân Đức Phật*), cho biết Đức Phật có

thể bay bổng lên cao và bước đi trong không trung, tỏa ra các ánh lửa và cả các tia nước. Vào thời đại của Đức Phật sự hiển hiện của các *deva* là một sự kiện hiển nhiên, không cần phải tìm hiểu hay giải thích gì cả (*các hiện tượng thật tự nhiên đối với con người vào các thời đại xa xưa*). Các *deva* ấy là các chúng sinh "phi thường", sự hiển hiện của họ chung quanh Đức Phật là một hiện tượng "phi thường", vượt khỏi khả năng thị giác bình dị và vật chất (*của chúng ta ngày nay*). Các *deva* ấy không phải là các phép lạ do Đức Phật tạo ra, dù rằng Ngài có một khả năng "phi thường" có thể tạo ra những gì mà con người gọi là *deva*.

Dẫu sao thì các sự kiện trên đây cũng như các câu chuyện khác, kể cả các giai thoại khác, đều in sâu trong ký ức và cả con tim của các đệ tử của Đức Phật. Trong số họ có nhiều người, qua các câu chuyện đó, đã cảm nhận được một cái gì đó thật to lớn và thật quan trọng mà giáo lý chính thức không thể mang đến cho họ được. Cái gì đó chính là một sự cảm nhận mà Đức Phật tạo ra cho những ai tiếp cận được với chính Ngài, có nghĩa là với một đấng Giác Ngộ, một sự cảm nhận vượt cao hơn và xa hơn tất cả mọi thứ ngôn từ.

### Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Chủ đề của chương I là nguồn gốc và sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát, thế nhưng qua các bài 4, 5 và 6 trên đây chúng ta lại thấy nhà sư Sangharakshita mô tả các phẩm tính từ bi, can trường và sự bình lặng của Đức Phật. Thật vậy, người bồ-tát được sinh ra từ các phẩm tính đó nơi Ngài. Lòng từ bi không cho phép người bồ-tát đạt được giác ngộ cho riêng mình, sự can trường và dũng cảm không cho phép người bồ-tát thu

mình trong chiếc áo của một nhà sư ngoan ngoãn, tình thương yêu vô bờ bến ẩn nấp kín đáo phía sau sự bình lặng mênh mông là một sức mạnh giúp người bồ-tát đương đầu với những thử thách trong thế giới này.

Các phẩm tính đó tỏa rộng từ con người của Đức Phật đã làm cho con voi điên trở thành hiền lành, và tác động đến sự vận hành tự nhiên của thế giới hiện tượng khiến một tảng đá nhảy chồm và lăn theo một hướng khác tránh ra xa Đức Phật.

Trước một con voi điên đang xông tới, chúng ta có thể sẽ khiếp sợ, cuống cuống, la hét và cắn thù con vật. Thế nhưng Đức Phật thì vẫn bình lặng, lòng từ bi tỏa rộng trước một con vật bệnh hoạn, đáng thương, làm tôi mọi cho con người. Lòng xót thương đó, sự bình lặng và trầm tĩnh mênh mông đó là một sức mạnh, một liều thuốc, một cái gì đó thật êm ả, hàn gắn những đón đau sâu kín bên trong con vật phải làm kiếp nô lệ cho con người.

*"Imasmim sati idam hoti,  
imass' uppādā idam uppajjati"*

*"Cái này có, cái kia có  
Cái này sinh ra, cái kia hình thành"*

Câu nói trên đây của Đức Phật ghi chép trong rất nhiều bài kinh nói lên khái niệm tương liên, tương kết và tương tạo giữa mọi hiện tượng, tiếng Phạn là *pratityasamutpada*, là một nguyên lý toàn cầu chi phối sự vận hành của toàn thể vũ trụ. Sự xót xa và tình thương yêu của Đức Phật đã xoa dịu những khổ đau của con vật, trong khi đó tiếng la hét và sự sợ hãi của chúng ta là những nhát dao làm toác thêm các vết thương sâu kín bên trong con vật. Nhà sư Sangharakshita đã thấy được cái nguyên lý

tương liên đó không những trong thế giới hiện tượng mà cả trong lãnh vực tâm linh: một vị Phật không thể rơi vào một cảnh tượng đau thương một khi trong lòng mình không có một sự sợ hãi hay căm thù nào để có thể liên kết với các cảnh tượng như thế. Lòng từ bi, một con tim dũng cảm, một tâm thức thanh thoát và bình lặng phải chăng đã che chở cho Đức Phật, khiến con voi hết bệnh và hòn đá lăn đi hướng khác?

Đến đây chúng ta hãy trở lại với câu chuyện vua Ajatasattu viếng thăm Đức Phật, thuật lại trong kinh *Samannaphala-Sutta* (DN 2). Tất cả các nhân vật trong câu chuyện này đều là các nhân vật lịch sử, tức là các nhân vật có thật. Vua Ajatasattu lên ngôi vào khoảng năm -492 (trước Tây lịch), Đức Phật sống tám năm sau cùng trong kiếp nhân sinh này của Ngài dưới triều đại của vua Ajatasattu. Khi Devadatta âm mưu với vua Ajatasattu ám hại Đức Phật thì lúc đó Đức Phật cũng đã lớn tuổi, ít nhất là trên 72 tuổi. Devadatta là một người chủ trương một đường hướng tu tập rất khắc nghiệt và cực đoan, sở dĩ âm mưu ám hại Đức Phật phải chăng là để lãnh đạo Tăng đoàn nhằm sớm thực thi các xu hướng tu tập của mình? Ajatasattu cũng vậy, vì tham vọng cố tình để cha chết đói trong ngục để sớm lên ngôi.

Jivaka chỉ giữ một vai trò "bên cạnh" Phật giáo, thế nhưng là một nhân vật thật tài giỏi và khác thường, được mệnh danh là vị "Thánh Lương y". Ông là y sĩ bên cạnh Đức Phật và cũng là y sĩ của hoàng triều Ajatasattu và của cả vua cha trước đó là Bimbisara. Kinh sách bằng tiếng Phạn, Pali và Hán của hầu hết các học phái đều có nói đến ông. Các tư liệu y khoa của Trung quốc từ thế kỷ thứ IV đến thứ X đều có nêu lên nhiều phương pháp và phương thuốc điều trị bệnh tật do ông khám phá. Ông từng gợi ý

với Đức Phật nên cho phép các tỳ kheo may mặc bằng vải mới, vì vải nhật được ở các nơi hỏa táng dễ gây nhiễm bệnh tật. Ngày nay ông được xem là vị tổ lương y các ngành y khoa cổ truyền của Ấn-độ và Thái Lan. Người Thái xem khoa bấm huyệt và xoa bóp của họ là do Jivaka phát minh. Đức Phật từng giảng riêng cho ông hai bài kinh, một trong Tăng Nhất Bộ Kinh (*Anguttara Nikaya*, AN 8.26) và một trong Trung Bộ Kinh (*Majjhima Nikaya*, MN 55).



**Chạm nổi: Vijjika quý gói đang băng bó vết thương ở chân của Đức Phật**

Trở lại với câu chuyện viếng thăm Đức Phật thì đây là cả một sự dàn xếp khéo léo của Jivaka giúp cho vua Ajatasattu thức tỉnh và hối lỗi trước hành động gian ác của mình. Sau hết cũng xin mạn phép nhắc thêm là bài kinh *Samannaphala-Sutta* (DN 2) thuật lại câu chuyện trên đây đã được nhà sư người Mỹ Thanissaro Bhikkhu, người đã dịch hàng ngàn bài kinh, xem là một trong số các kiệt tác trong Kinh điển Pali. Thật vậy, đây là một bài kinh dài và quan trọng,

nêu lên các phép tu tập và cả các khái niệm căn bản, mở ra một tầm nhìn bao quát về toàn bộ giáo huấn của Đức Phật.

**Pháp Cú**  
HT. Thích Minh Châu dịch

Bures-Sur-Yvette, 13.04.20

Phẩm Tỷ Kheo

Hoang Phong chuyển ngữ

371

(còn tiếp)

*Tỷ kheo, hãy tu thiền,  
Chớ buông lung phóng dật,  
Tâm chớ đắm say dục,  
Phóng dật, nuốt sắt nóng  
Bị đốt, chớ than khô!*

**ÔNG SƯ NHÀ QUÊ**  
*Một tấm gương tốt lành rất đáng tôn vinh*  
**VŨ VĂN QUÝ**



lòng vị tha chan chứa tình người của họ tỏa ra vô biên không vị kỷ, không đóng khung hạn hẹp ở lẫn ranh tôn giáo. Biết bao công đức của họ được truyền tụng từ thế hệ này qua thế hệ khác được kể lại bằng những câu chuyện đầy cảm kích.

Cách nay gần 3 thập niên trên tờ Đất Mẹ số 38 (Đất Mẹ là tờ báo nguyệt san Công Giáo) chúng tôi đã viết dưới đề tựa "Nén Hương Cho Hòa Thượng THÍCH THANH LONG" ngay sau khi ngài viên tịch tại Sài Gòn. Từ sau ngày ấy đến nay, nhiều báo Việt ngữ tại Hoa Kỳ cũng có những bài viết về ngài, điểm đáng chú ý là những tác giả này đa số là những tù nhân chính trị người Công Giáo trong đó có một số các vị linh mục đang có mặt tại Hoa Kỳ, những người đã một thời sống cùng với cô hòa thượng ở các trại tù từ Nam chí Bắc, tất cả đều tỏ lòng tôn kính, ngưỡng phục.

Tôn giáo nào cũng có những vị chân tu - những bậc lành thánh - suốt đời hiến thân cho lý tưởng thiêng liêng cao cả của mình đã chọn. Nhiều vị đã cùng sống chết với tha nhân và chết cho đạo pháp và trở nên hiền thánh được đời xưng bái tôn thờ chẳng hạn như thánh Maximilian Kolbe... (\*). Tấm

Tang lễ cô Hòa Thượng THÍCH THANH



LONG ngày 29 tháng 11 năm 1991 được mô tả như một đám rước hết sức trọng thể. Đoàn người tham dự đã phủ kín con đường dài 5 cây số từ cổng Chùa Giác Ngạn đường Trương Minh Giảng Sài Gòn tới Nghĩa Trang Bà Queo không chỉ gồm các đoàn thể Phật tử, các thiện nam tín nữ mà có mặt đủ mọi thành phần tôn giáo cũng như rất đông đảo các cựu Tù nhân Chính trị.

Trước năm 1973, Hòa Thượng mang cấp bậc Trung Tá làm Phó Giám Đốc Nha Tuyên Úy Phật Giáo cho đến khi thương tọa Thích Tâm Giác đi Nhật bản trị bệnh thì Hòa Thượng mới lên làm Giám Đốc và cũng được thăng cấp Đại Tá tuyên úy từ đạo đó.

Ngày 13/6/1975 bị việt cộng bắt đi cải tạo và đem ra Bắc. Đến ngày 12/9/1987 được tha trở về lại Chùa Giác Ngạn Sài Gòn và mãn phần tại đây.

Ngược dòng thời gian gần 3 thập kỷ, năm ấy cũng vào mùa thu (1982), trại cải tạo Hà Tây tiếp nhận thêm khoảng 80 tù nhân chính trị (TNCT) từ trại tù Thanh Phong chuyển đến. Đa số thành phần thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị gồm các ngành Tâm Lý Chiến, An Ninh Quân Đội và Tuyên Úy của Quân Lực VNCH.

Trại Hà Tây có tất cả 12 buồng giam. Số TNCT mới đến bị nhốt trong buồng số 7. Buồng này rất kín cổng cao tường bao quanh chằng chịt kẽm gai vì trước đó được dùng để nhốt các tù hình sự có trọng án nên được canh gác cẩn mật. Việt cộng coi những TNCT này là những đối tượng cực kỳ nguy hiểm. Khoảng một tháng sau khi được thanh lọc kỹ càng thì việt cộng mới mở cửa cho đội Tuyên Úy ra ngoài lao

động; tuy vậy buồng 7 vẫn chưa được ra sân lớn tập hợp điểm số như các buồng khác. Đội Tuyên Úy lúc này do linh mục Nguyễn Quốc Túy - cha Túy là cựu Thiếu Tá Biệt Động Quân, một mẫu người trẻ năng nổ, ứng phó thần kỳ đã được các vị tu sĩ cử ra đứng mũi chịu sào để điều động đội này xử trí với những thủ đoạn thâm độc của việt cộng. Công việc chính của đội tuyên úy lúc đó là đào đất đắp đường và kéo xe thay thế trâu bò.

Lần đầu tiên tôi được cha Túy mời dự bữa cơm trưa thân mật tại sân buồng 7. Có khoảng chục người trong đó có linh mục Khổng Tiến Giám bào đệ của linh mục Khổng Tiến Giác tuyên úy Bộ Tổng Tham Mưu, linh mục Nguyễn Văn Thịnh cựu giám đốc nha tuyên úy Công giáo, các mục sư Xuân, Điều Huỳnh và các đại đức Tâm, Khuê, Tùng và hòa thượng Long. Ngoài đội tuyên úy chỉ có 2 khách mời là tôi và Đại tá Trần Mộng Chu nha Quân Pháp. Hầu như không phân biệt tôn giáo và cấp bậc, tất cả các vị tuyên úy đều xem hòa thượng Thích Thanh Long như một người anh cả và xưng hô một cách chung chung là thầy Long. Mỗi khi nhắc đến thầy Long thì mọi người đều nói về thầy với niềm sùng ái trọng vọng.

Thoạt đầu khi chưa giới thiệu từng người trong bữa tiệc, tôi ghé vào tai cha Túy hỏi có phải người ngồi trước mặt cha là Thầy Long không thì cha lắc đầu. Cung cách bề ngoài và bộ quần áo mới màu đà còn tươi của vị này làm cho tôi lầm ông với hòa thượng Long. Rồi cha chỉ cho tôi người ngồi đối diện với tôi.

Vóc gầy gò, dong dỏng cao, da ngăm ngăm, hàm răng nhỏ và đen huyền, tóc cạo đúng tiêu chuẩn sư tăng nhà Phật, mặc bộ đồ cũ đơn sơ, khuôn mặt hiền hậu nhưng khắc khổ,

toát ra vẻ chân tu như thánh Găng Đì nhất là cặp mắt sáng, sâu, đen láy, rất ít nói nhưng quan tâm lắng nghe mọi người xung quanh. Đó là người ngồi đối diện với tôi. Người đó chính là Thầy Long. Tôi nhìn ông khẽ cúi đầu và ông nhìn tôi với đôi mắt hiền từ trìu mến. Ông đã trao cho tôi một nụ cười thật kín đáo.

Tháng 3/1983, trại Hà Tây sắp giải thể và chuyển hết các TNCT về Nam Hà. Các vị Tin Lành và Phật Giáo được phân tán về các đội lao động. Riêng các tuyên úy Công Giáo chờ phương tiện chuyển ngược về trại tù Thanh Phong.

Năm 1985, tôi và thầy Long bị giam chung tại Nam Hà và chính thời gian này tôi được biết thầy nhiều hơn. Có những người đã biết và nói rằng trước ngày di cư từ Bắc vào Nam năm 1954, thầy đã trụ trì tại một ngôi chùa ở một làng tại tỉnh Nam Định và được đông đảo tín hữu mến mộ. Nhiều đêm tâm sự với thầy trong buồng giam, tôi cố gợi chuyện để biết thêm nhưng thầy là người điềm đạm khiêm tốn chỉ kể với tôi là thầy xuất gia đầu Phật từ lúc 12 tuổi. Quyết tâm tu hành, không muốn vương vấn nợ trần, thầy đổi tên là Nguyễn Văn Long và hầu như hoàn toàn không ai biết được tên thật và quê quán của thầy. Thầy thuộc nhiều địa danh ở Nam Định, khi tôi kể chuyện liên quan đến những vùng Cổ Lễ, Cổ Ra, Văn Tràng, Trục Ninh, Nam Trục, Quần Phương, Lạc Quần v.v. thì bỗng nhiên đôi mắt thầy rực sáng lên và có vẻ thích thú. Tôi đoán có lẽ thầy đã trải qua thời thơ ấu tại một trong những địa danh này chăng?

Thầy nói năm 16 tuổi, thầy chỉ lên về nhà nhìn mặt thân phụ của mình từ trần rồi lại lặng lẽ ra đi. Lý tưởng của thầy là Phật pháp, tình yêu của thầy là tha nhân, thân bằng

quyền thuộc của thầy là Phật tử. Thầy có một cuộc sống vô cùng mộc mạc, đơn sơ, đức độ, lúc đi tu cũng như lúc ở tù. Thầy thường nói với tôi : "Tù cũng là tu". Vốn có một tâm hồn thanh tịnh như đóa sen nở trên mặt hồ không gợn sóng lúc nào cũng toát vẻ chân tu khiến người bàng quan thấy thầy là cõi phúc. Lúc nào thầy cũng tự nhận mình là một "Ông Sư Nhà Quê". Đúng như vậy.

Trong thời kỳ đói khát, tù nhân chưa được gia đình tiếp tế thăm nuôi đã có kẻ lấy chiếc lon ghi gô đựng nước uống của thầy nhét đầy thịt heo đánh cắp của trại, lúc bị phát giác không ai dám nhận. Cuối cùng để tránh phiền lụy cho một số người, thầy không ngần ngại đứng ra nhận chiếc lon đó là của thầy mặc dù ai cũng biết thầy ăn chay trường và kẻ nào là tên ăn trộm lúc bấy giờ. Khi nào trại cho tù nhân chút ít thịt để "bồi dưỡng", thầy thường nhường cho các anh em đau ốm bệnh hoạn.

Đến khi được thăm nuôi tiếp tế, Phật tử khắp nơi đến thăm thầy hầu như hàng tuần. Những quà tiếp tế, thầy đem chi cho các bạn tù. Quân áo chỉ giữ 2 bộ. còn bao nhiêu cũng đem cho hết. Thầy thường xuống bệnh xá thăm viếng những người đau ốm và đem quà bánh thuốc men xuống cho họ. Thầy rất quan tâm đến những "con bà phước" (\*\*\*) bị bỏ quên trong trại. Một vài trường hợp điển hình:

- Anh Khương, Phó Quản Đốc Trung Tâm Cải Huấn Côn Sơn - một người Công Giáo - bị địch bắt ngay trong lúc còn đang mặc sắc phục và bị việt cộng đánh như tử. Hậu quả của những trận đòn thù khiến anh Khương trở thành bại liệt, á khẩu, tay chân co rút. Anh bị mất liên lạc với gia đình từ ngày bị bắt. Gần 13 năm, anh mới bập bẹ nói được một tiếng "dôi, dôi" như đứa trẻ mới tập nói. Thầy Long đã đích thân chăm sóc đút cơm,

tắm rửa cho anh Khương như một người thân, đặc biệt là khi trại đọc lệnh tha nhưng anh không biết về đâu và không thể đi được một mình. Chính thầy Long đã giúp anh một số tiền và nhờ đại đức Tâm được tha cùng một lượt với anh Khương về trước tìm kiếm thân nhân của anh ở tận miền Tây để ra đón anh.

- Anh Nguyễn viết Tân, Đại tá hải quân QLVNCH bị bán thân bất toại và bệnh nặng trong lúc mọi người ai nấy đều lo cho bản thân mình và tình thương giữa con người đã trở nên mệt mỏi thì thầy Long cũng chính là người tình nguyện chăm sóc anh Tân cho đến khi anh được người nhà ra đón kịp về rồi chết.

Một trường hợp khôi hài khác là ở trong trại có một anh tên Nguyễn Huệ, "vô tông tích" tự xưng là trung tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 23B (?). Có một thời gian anh ta bị giam chung với các tướng lãnh QLVNCH nhưng sau viết cộng phát giác "tướng Nguyễn Huệ" chỉ là một tên điên khùng và bị loại ra khỏi đội. Thấy thầy thương người và dễ dãi, "tướng Nguyễn Huệ" thường hay chạy theo quấy quả xin xỏ cơm và thuốc lã. Hệ thống thấy anh ta là thầy tùm tùm cười, thầy không hề tỏ vẻ khó chịu và còn đi kiếm thuốc lã cho anh ta, tuy thầy chẳng bao giờ hút thuốc.

Tù nhân được tha dần nhưng vẫn còn tồn đọng một số khá lớn trong đó có các đại đức Tâm, Khuê, Xuân, Tùng, Trí, Bình, Ngự, Học, Diệu v.v. Mỗi lần thầy Long được thông báo có thăm nuôi thì các vị này đã sẵn sàng bao bị và tận tình giúp đỡ thầy. Thầy thường nói : " Hôm nay tôi lại có thánh Veronica đến thăm nuôi ". Đây cũng là dịp thầy tập họp các tu sĩ Phật giáo ở trong trại tù để phân công đi thăm viếng bệnh nhân hoặc cắt cử họ đèn tụng kinh và cầu siêu mỗi

khi có người tạ thế.

Vào các dịp lễ Noel hay Tết âm lịch, thầy cũng dành dụm chút gạo, đậu xanh, đường tán và khởi xướng việc nấu chè ăn chung cả buồng mang niềm vui nhỏ bé đến cho mọi người và còn dốc hết "hậu bao" giúp các anh em nghèo đói nhất trong trại.

Thầy rất thích nghe tôi đánh đàn và kể chuyện cuộc đời thánh Phanxicô Khó Khăn (Francis Of Assisi) nhất là những câu hát ý nghĩa thâm thúy trong Kinh Hòa Bình. Cứ vào mỗi sáng sớm Chủ Nhật được nghỉ lao động, trong khi tất cả mọi người còn nằm trong mùng thì thầy đã đánh thức tôi và khẽ nói : "Ông Quý ơi ! Dậy cho anh em nghe đàn đi !" Thế rồi âm thanh của chiếc đàn gô tự tạo ở trong tù của tôi nhẹ nhàng vang ra tiếng thay lời trong âm giai cung Mi buồn " Lạy Chúa từ nhân, xin cho con....." hầu như không làm cho ai khó chịu cả.

Tâm lòng cao quý của thầy sáng như ngọn đuốc trong trại tù tăm tối, không những đối với các bạn tù chính trị mà còn lan tỏa đến cả những tù hình sự giam chung cùng trại.

Như một tấm huy chương vô giá mà trên cõi đời này không thể đem ra so sánh được, thầy đã đối diện với bọn cai tù khát máu, trước họng súng AKA mà không hề nao núng và không sợ chết. Thầy đã được các vị tuyên úy Công Giáo ca ngợi vì đức bác ái và lòng hi xả, quên mình và chấp nhận những gì bất hạnh xảy đến. Trong cuốn AKA và Thập Giá của linh mục Phan Phát Huôn, Dòng Chúa Cứu Thế trang 107-108 kể chuyện đám tang của Cha Nguyễn Văn Bản, Dòng Đa Minh, tuyên úy Tổng Y Viện Cộng Hòa chết tại trại giam Yên Bái. Sau khi chôn cất, việt cộng bắt các tù nhân cải tạo lên lớp hội thảo để lên án và làm nhục người đã chết.

Chúng vu cáo cho Cha Bản là một tên ác ôn côn đồ, chạy theo Mỹ Ngụy giết hại đồng bào, một tên có nợ máu đối với nhân dân, một tên lường gạt vv.. Nghe tên Nha công an việt cộng lái nhái nhục mạ một người đã khuất mà người đó vốn là một người đạo đức gương mẫu, không dẫn nỗi sự bất bình, thầy Long đã đứng lên bênh vực bằng một giọng ôn tồn nhưng cương quyết :

*" Tôi được biết Linh Mục Bản ngoài xã hội cũng như ở trong trại cải tạo là một con người đạo đức, được mọi người kính nể..."*  
Tên việt cộng hồng hách nạt nộ:

*" Anh im mồm ngay. Anh Bản đã bị nhà nước cách chức linh mục của anh ta từ ngày anh bước chân vào trại cải tạo, còn anh, anh đừng có hùng đem cái bọn cha cố vào đây mà hù dọa cách mạng..."* nhưng thầy Long đâu có chịu im cho. Đợi cho tên việt cộng vừa dứt lời thì thầy nói tiếp:

*" Nếu linh mục đều như cán bộ nói thì làm sao dân chúng tin tưởng và kính mến họ. Mặc dù cán bộ đã cấm các trại viên gọi các linh mục là Cha và tự xưng mình là con, trại viên nào không tuân thì sẽ phải xử lý, nhưng thưa cán bộ, có ai chấp hành lệnh đó không? Trái lại, đối với công chức nhà nước, trước mặt họ gọi là cán bộ nhưng sau lưng họ gọi bằng thằng việt cộng thì cán bộ nghĩ sao?"*

Như một con hổ bị trúng đạn, hai mắt hấn đỏ ngầu giận dữ, nhảy chồm tới nhìn trừng trừng vào thầy Long, quát thật lớn văng cả nước miếng vào mặt người đối diện và hấn ra lệnh:

*"Á anh này hỗn thật, yêu cầu các đồng chí đem cùm tên này cho tôi, biên bản sẽ làm sau."*

Thầy Long vẫn tiếp tục nói một cách hùng hồn cho đến lúc lính cảnh vệ việt cộng mang AK xông tới còng hai tay ông, ông không tự bênh vực cho mình, ông vẫn bình thản đưa hai tay cho chúng còng để chúng đem đi. Đây thật là hình ảnh một con chiên hiền lành đứng trước kẻ xấn lông mình mà không nói lời than trách như đã được diễn tả trong Kinh Thánh. (Cv.8.32-33).

Cuối năm 1987, thầy Long được tha về. Cởi bỏ chiếc áo chàm cải tạo, thầy lại khoác chiếc áo màu đà. Từ khi trở về Chùa Giác Ngạn, thầy không giữ chức trụ trì như trước, thầy sống trên căn gác xép tại góc vườn nhưng hàng ngày rất đông người đến thăm viếng và ngôi chùa được trùng tu lại, trở nên đẹp đẽ khang trang hơn cũng nhờ uy tín và sự quan tâm của thầy. Hầu như ai cũng cảm mến gương hy sinh, lòng can đảm, tánh cương trực của thầy Long. Có những vị Linh Mục không đi cải tạo mà chỉ nghe tiếng thôi cũng muốn đến thăm thầy Long tại Chùa Giác Ngạn. Tôi hỏi Cha Vũ Ngọc Trân, Chánh Xứ Chu Hải tỉnh Phước Tuy, cha nghĩ thế nào khi đến thăm Hòa Thượng Thích Thanh Long tại Chùa Giác Ngạn? Cha đã trả lời một cách không dè dặt: *" Tôi nghĩ Chúa sẽ thưởng công cho bất cứ ai biết khao khát trọn lành, thương người và giúp đỡ bênh vực người. Chúa nói kẻ nào giúp đỡ người đều có công trước mặt Ta. Tôi nghe các cha tuyên úy đi cải tạo về có nói nhiều về ông. Tôi cũng mến mộ ông và việc tôi đến thăm cơ sở một tôn giáo khác đâu có gì làm suy giảm đi lòng kính mến Chúa nơi tôi đâu. Nếu nói đó là một hình thức trao đổi văn hóa thì cũng chẳng sao!"* (Cha Đa Minh Vũ Ngọc Trân cũng đã qua đời tại Xứ Chu Hải Bà Rịa ngày 24/2/1992).

Trong thời gian chưa mắc bệnh ung thư nơi

xương tọạ, phương tiện chính của thầy trong thành phố là "xe đạp ôm". Thầy thường ngồi trên "pooc ba ga" phía sau để cho một chú tiểu chở đi. Người ta thấy thầy xuất hiện ở nhiều nơi và tình thương của thầy dường như vẫn đặc biệt dành cho bạn tù cải tạo còn trong trại giam hoặc đã được tha về. Khi biết có ai đi xuống trại Z30D thì thầy cũng nhắn lời thăm hỏi, có đôi lúc thầy gửi một cần xé chôm chôm hoặc vài thùng mì gói xuống phân phát cho anh em chưa may mắn được về xum họp với gia đình. Khi nghe tin có người vừa mất, bất luận ở đâu, không phân biệt tôn giáo, nơi cầu siêu hay chôn làm phép xác, tại chùa hay nhà thờ thánh thất, thầy cũng đều có mặt để phân ưu với gia đình người quá cố, thầy không ngần ngại đến vì "nghĩa tử là nghĩa tận". Tôi đã gặp thầy và cùng đứng chung với thầy dưới gốc cây xoài trước tượng đài Đức Mẹ trong khuôn viên Nhà Thờ Ba Chuông để chờ tiễn đưa linh cữu của cố Trung Tá Nguyễn Thủy Chung và cố Trung Tá Nguyễn Anh Ly mất vào những năm 1989-1990.

Rất nhiều cựu TNCT nay đang có mặt tại Hoa Kỳ hoặc định cư rải rác trên khắp thế giới vẫn nhắc đến thầy Long. Ký giả Lô Rãng tức cố Trung Tá Phan Lạc Phúc và Trung Tá nhà văn Hoàng Ngọc Liên, Ký giả Vũ Anh... cũng có những bài viết rất sâu sắc về thầy.

\* \*

Tôi chẳng có tư cách gì và cũng chẳng dám đưa ra nhận xét nào để "phong thánh" cho một con người mà tôi quen biết trong một thời gian hạn hẹp. Dưới nhãn quan của một tín đồ Công Giáo, dù sao tôi cũng chỉ là một chứng nhân với biểu kiến riêng, tôi xem Hòa Thượng Thích Thanh Long là một tấm gương rất tốt lành, đáng kính và đáng tôn vinh mà thời đại ngày nay thấp đước giữa

ban ngày đi tìm cũng khó kiếm. Một người đã hy sinh tất cả để trọn đời đi theo con đường giống như của thánh Phanxicô Khô Khẩn tác giả bài ca KINH HÒA BÌNH đã đi.

Thầy Long luôn đề cập KINH LỤC HÒA trong Diệu Pháp Liên Hoa cho các đệ tử. Chính vì thế mà thầy rất thích KINH HÒA BÌNH của thánh Phanxicô lúc ở trong tù thì sau này tôi mới nghiệm ra vì nó ẩn chứa những điều uyên thâm sâu xa nói về đức bác ái và lòng từ bi cũng giống như KINH LỤC HÒA. Tôi không ngờ thầy Long lại là một người bạn tri âm của tôi và ngày nay mỗi khi dạo nhạc hát lên bài ca KINH HÒA BÌNH tôi lại nhớ đến thầy.

Từ cõi bên kia, tôi tin rằng thầy đang mỉm cười và chăm chú lắng nghe tôi hát:

*"Lạy Chúa từ nhân! Xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người. Lạy Chúa xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa. Để con đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm..."*

Tôi sẽ nhớ thầy mãi mãi cùng với bài ca KINH HÒA BÌNH trong tiếng tơ đồng của cung Mi buồn.

VŨ VĂN QUÝ

(\*) Maximilian Kolbe (1894-1941) Linh Mục Dòng Phanxicô người Ba Lan tình nguyện chết thay cho tử tù tại Auschwitz trong thế chiến II.

(\*\*) những người tù không thăm nuôi nghèo nhất trại.

# ĐÊM ĐẦU ĐÀ ÔN DUYỆT 4 THÁNH ĐẾ

Như Không (gsnhukhong@gmail.com)

**ĐÊM ĐẦU ĐÀ** là một truyền thống quý báu thường tổ chức vào **RẼM THÁNG GIÊNG** và ngày **PHẬT ĐẢN** để những người con Phật có cơ hội gặp nhau **HỘI LUẬN PHẬT PHÁP** như đã trình bày trong một bài viết tại link này: <https://thuvienhoasen.org/a22551/dem-dau-da>

(Có đăng kế tiếp bài nay)

Đặc biệt năm nay, tôi sẽ tổ chức một **ĐÊM ĐẦU ĐÀ** trên mạng (online) để ôn lại **CHÁNH PHÁP 4 THÁNH ĐẾ (4TĐ)** mà chư Phật đều đã Chuyên Pháp Luân với giáo pháp này sau mỗi khi các ngài thành đạo. Để tham gia **ĐÊM ĐẦU ĐÀ** online này, điện thoại hoặc computer của quý đạo hữu cần có sẵn phần mềm **SKYPE** của Microsoft mà quý vị có thể download và cài đặt miễn phí qua google hay qua Play Store đã có trong phone hoặc computer của quý đạo hữu. Cài đặt **SKYPE** xong, quý vị nên vào thử bằng link này:

[join.skype.com/aAoAwIT1Xuzr](https://join.skype.com/aAoAwIT1Xuzr) Cái link trên kê như là thiệp mời để vào thẳng room hội luận. Nhớ nhấn "**join as guest**", rồi vào **tên** nào mà quý đạo hữu muốn, tên gì cũng được, rồi ấn "**join conversation**" (cần ấn 2 lần) thế là xong. khỏi cần qua ID hay password nào cả.

Vào được rồi quý đạo hữu có thể đọc được các lời nhắn đang có ở trong room. Sau đó quý đạo hữu có thể ra khỏi room bằng "**leave group**". Được như vậy rồi, chỉ cần chờ đến ngày **RẼM THÁNG GIÊNG**, tức ngày

**FEB 26, 2021**, từ **8 giờ tối (8pm) đến 11 giờ đêm (11pm)** với giờ địa phương của quý đạo hữu, vào tham gia **Đạo tràng 4 Thánh Đế** để nghe lại sự ôn duyệt về giáo pháp **4TĐ**. Đạo tràng sẽ mở cửa theo các giờ như sau cho 4 châu lục: Á, Úc, Âu, Mỹ.

- Từ Á Châu, theo giờ **VIETNAM**, từ **8pm-11pm**.

- Từ Úc Châu, theo giờ **SYDNEY**, từ **8pm-11pm**.

- Từ Âu Châu, theo giờ **PARIS**, từ **8pm-11pm**.

- Từ Mỹ Châu, theo giờ **HOUSTON**, từ **8pm-11pm**.

1) Không biết đầy đủ và chính xác về 4TĐ thì không thể chấm dứt khổ đau.

2) 4TĐ là giáo pháp tối thượng của Chư Phật Chánh Đẳng Giác trong 3 đời.

3) Ai tu hành Chân Chánh, phải tu pháp 4TĐ.

4) Ai không chứng thực được 4TĐ Như Lai không công nhận là đệ tử của Như Lai.

5) Ai không biết 4TĐ thì khi chết khó sinh lại làm người.

6) Ai thấu hiểu 4TĐ thì không ai có thể tranh luận nổi về giáo pháp chấm dứt

khổ đau.

7) Nên chia xẻ giáo pháp 4TD cho những ai mình thương yêu như thân nhân, bạn bè, v.v.

Tại sao Đức Phật tuyên bố: **“Không thấu triệt 4TD không thể chấm dứt khổ đau?”**

-- Điều đó chúng ta có thể kiểm nghiệm qua tình trạng khổ đau mà nhân loại đang chịu đựng vì virus Corona: Nhân loại sẽ không thể ra khỏi khổ nạn này chừng nào còn chưa biết đầy đủ và biết chính xác 4 sự thật về Corona: **1) Sự thật về những KHỔ ĐAU** do Corona gây ra (hiểu đầy đủ về những cách mà nó tàn phá thân xác con người như thế nào?). **2) Sự thật về NGUYÊN NHÂN** của Corona do đâu ra? **3) Sự thật về sự TẬN DIỆT** corona, sẽ được hay không? **4) Sự thật về CÁCH TRỪ DIỆT** corona, cách chế tạo vaccine để trừ diệt nó như thế nào?

Tham dự ĐÊM ĐẦU ĐÀ về 4TD các đạo hữu còn sẽ hiểu rõ tại sao Chư Phật đều ngàn ngại thuyết giảng 4TD sau mỗi khi thành đạo? -- Chẳng phải vì các ngài đáng ra phải thuyết giảng kinh HOA NGHIÊM như những người Trung Hoa tuyên bố. Các đạo hữu cũng sẽ hiểu rõ tại sao giáo pháp 4TD, một giáo pháp tối thượng mà chư Phật Chánh Đẳng Giác đều Chuyên Pháp Luân sau mỗi khi các ngài thành đạo, lại bị người Trung Hoa cho là pháp thấp thời để sau này bị mai một, để bây giờ phật tử ít ai có sự hiểu biết đầy đủ và chính xác về 4 Sự Thật của 4TD.

Tham dự ĐÊM ĐẦU ĐÀ về 4TD là cơ hội quý báu để quý đạo hữu tìm lại CHÁNH PHÁP của Đức Bổn Sư Thích Ca, để biết tận tường, không còn mơ hồ, về con đường giải thoát, chấm dứt khổ đau, trước khi cái chết đến với chúng ta bất cứ lúc nào. Hiểu rõ 4TD chắc chắn quý đạo hữu sẽ không còn tu

hành sai lầm hay mơ hồ nữa. 4TD là chánh pháp của **SỰ THẬT**. Cho nên tôi dám tuyên bố rằng khi tất cả phật tử VN đều thấu hiểu rõ 4TD và theo đó tinh tấn tu hành, thì đất nước VN chúng ta sẽ trở thành **THÁNH ĐỊA**. Tôi sẽ chứng minh điều này trong đêm đầu đà 4TD.

Trân trọng kính mời: Như Không.



## Thằng Bạn Bất Lương

Ngày xưa ngày xưa, có một anh chàng nợ mặt mũi cũng dễ coi nhưng phải cái hơi ngu, chúng ta gọi anh là Tâm cho tiện.

Một hôm Tâm kết bạn với Ý là một tên du thủ du thực, đa mưu túc trí, chuyên nghề lường gạt chôm chia mà sống. Thấy Tâm chất phác dễ tin, Ý bèn dỗ ngọt dẫn Tâm đến một chôn xa xôi hẻo lánh chặn dê cho người để lấy tiền lập nghiệp. Tên bất lương lấy trước sáu tháng tiền công của bạn rồi ra đi với hứa hẹn là sẽ tìm nơi tậu nhà cửa ruộng vườn cho Tâm.

Sáu tháng sau, Ý đến vui vẻ báo tin:

([Xem tiếp trang 24](#))

# ĐÊM ĐẦU ĐÀ

Như Không

*Hiện nay qua nhiều bài báo phê bình Phật Giáo trên mạng Internet, trong đó có cả mạng quốc tế nổi tiếng BBC, nhiều Phật tử đã than phiền sinh hoạt, tín ngưỡng của Phật Giáo tại nhiều chùa, đã quá nặng về tinh thần VU LỢI mà không nhắm đến tinh thần HOẢNG PHÁP ĐỘ SANH. Đa số Phật tử đi chùa suốt đời vẫn chưa biết chút gì về GIÁO PHÁP của Đức Phật để áp dụng vào đời sống. Một giáo lý có thể giúp cho họ và xã hội có thêm ĐẠO ĐỨC, TRÍ TUỆ, và HẠNH PHÚC. Điều mà xã hội VN đang rất cần bây giờ.*



*SC Như Liên hướng dẫn hành thiền trong đêm Đầu Đà tại chùa Linh Sơn, Bà Rịa Vũng Tàu*

Kính thưa quý Phật tử:

ĐÊM ĐẦU ĐÀ là một truyền thống quý báu thường tổ chức vào RẰM THÁNG GIÊNG và ngày PHẬT ĐẢN. để những người con Phật có cơ hội gặp nhau HỘI LUẬN PHẬT

PHÁP, trao đổi kinh nghiệm tu học, chia sẻ những hiểu biết về giáo lý, hoặc những kinh nghiệm áp dụng giáo pháp để giải trừ những phiền não và khổ đau ở trong cuộc sống. Phước báu thay, nếu mọi chùa VN duy trì được truyền thống tốt đẹp này.

Hiện nay qua nhiều bài báo phê bình Phật Giáo trên mạng Internet, trong đó có cả mạng quốc tế nổi tiếng BBC, nhiều Phật tử đã than phiền, sinh hoạt tín ngưỡng của Phật Giáo tại nhiều chùa, đã quá nặng về tinh thần VU LỢI mà không nhắm đến tinh thần HOẢNG PHÁP ĐỘ SANH. Đa số Phật tử đi chùa suốt đời vẫn chưa biết chút gì về GIÁO PHÁP của Đức Phật để áp dụng vào đời sống. Một giáo lý có thể giúp cho họ và xã hội có thêm ĐẠO ĐỨC, TRÍ TUỆ, và HẠNH PHÚC. Điều mà xã hội VN đang rất cần bây giờ.

Cho nên tôi kêu gọi và tán dương mọi chùa nên duy trì truyền thống ĐÊM ĐẦU ĐÀ để thực hiện đúng tinh thần "THỪA TỰ GIÁO PHÁP không THỪA TỰ TÀI VẬT" mà PHẬT đã di giáo ở trong Trung Bộ Kinh. Mỗi Phật tử đến chùa phải hiểu được ít nhất các pháp chính của Phật, như 4 THÁNH ĐẾ, 8 CHÁNH ĐẠO, 4 NIỆM XÚ là gì? Nếu Phật tử đến Chùa chỉ để cầu xin thỏa mãn các THAM ÁI mà không được dạy về GIÁO PHÁP GIẢI THOÁT, thì tăng chúng sẽ trở thành CỐ TỘI ĐỐI VỚI PHẬT. Vì đã gieo truyền ĐẠO ĐAU KHỔ cho thế gian, bởi THAM ÁI là nguyên nhân của mọi ĐAU KHỔ.



Đã đến lúc quý CHƯ TĂNG đều phải nắm vững GIÁO PHÁP. Các pháp chính của PHẬT như 4 THÁNH ĐỀ, 8 CHÁNH ĐẠO, 4 NIỆM XỨ phải liễu tri, thắng tri, tường tận để truyền dạy lại cho chúng sanh. Tôi nhận thấy rất nhiều Phật tử đi chùa cho đến chết vẫn chưa biết được chút gì về Phật Pháp. Một số khác, nếu biết, thì vẫn mênh mang rằng: Đạo Phật có "84,000 pháp môn", hoặc "Vạn pháp là Phật Pháp" để viện cớ khỏi cần biết CHÁNH PHÁP là gì. Đây chính là cái tinh thần TƯỢNG PHÁP đã truyền thừa từ Trung Hoa. Mỗi khi hàng Phật tử đi theo loại TƯỢNG PHÁP này thì CHÁNH PHÁP sẽ càng ngày càng suy tàn, như PHẬT đã dạy trong đoạn kinh sau đây:

### **Chương 16: Tương Ưng Kassapa (Ca-diếp)**

#### **24. Tượng Pháp**

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.

Rồi Tôn giả Mahā Kassapa đi đến Thế Tôn; sau khi đên, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahā Kassapa bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thườ trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chúng đặc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chúng đặc chánh trí ít hơn?

- Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong

thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chúng đặc chánh trí.

Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tượng pháp không hiện ra ở đời. Và Kassapa khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất.

Cũng vậy, này Kassapa, diệu pháp không biến mất, khi nào tượng pháp chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tượng pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.

Này Kassapa, địa giới không làm diệu pháp biến mất, thủy giới ... hỏa giới ... phong giới không làm diệu pháp biến mất.

Ở đây, khi nào các người ngu có mặt, chính họ làm diệu pháp biến mất.

Ví như, này Kassapa, chiếc thuyền bị chìm vì chở quá nặng. Không phải vì vậy, này Kassapa, diệu pháp bị biến mất.

Này Kassapa, có năm thói pháp khiến cho diệu pháp bị hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiên định.

Này Kassapa, chính những thói pháp này đưa đến sự hỗn loạn, sự biến mất của diệu pháp.

Và có năm pháp, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là năm?

Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống kính trọng, tùy thuận bậc Đạo Sư (đức Phật), sống kính trọng, tùy thuận Chánh pháp, sống kính trọng, tùy thuận chúng Tăng, sống kính trọng, tùy thuận học giới, sống kính trọng tùy thuận Thiên định.

Chính năm pháp này, này Kassapa, đưa đến sự an trú, bền vững, không biến mất của diệu pháp.

Hiểu biết CHÁNH PHÁP và thực hành THIÊN ĐỊNH đúng cách là 2 điều đang rất thiếu sót ở hầu hết các chùa VN. May mắn thay, hiện nay các VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VN (hậu thân của VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH do ngài THÍCH MINH CHÂU sáng lập) đang đào tạo ra nhiều giảng sư có trình độ vững vàng về cả ĐẠI THỪA lẫn CHÁNH PHÁP NGUYÊN THỦY. Các chùa nên liên lạc cung thỉnh các vị giảng sư về chùa của mình để tổ chức các KHÓA TU HỌC cho Phật tử có sự giảng dạy đầy đủ về CHÁNH PHÁP chứ không phải quanh năm chỉ tu NIỆM PHẬT hay tu BÁT QUAN TRAI GIỚI mà thôi. Vì 2 cách tu này không giúp cho Phật tử hiểu biết thêm CHÁNH PHÁP.

Khi GIÁO PHÁP được phục hưng thì DÂN TỘC VN sẽ được HOA BÌNH, HẠNH PHÚC, và CUỒNG THỊNH như thời ĐÌNH, LÊ, LÝ, TRẦN. Vì Phật giáo là thành

phần dân tộc rường cột để GIỮ NƯỚC và DỰNG NƯỚC. Cho nên người Phật tử yêu nước, càng phải nên chăm lo tu học và hiểu biết CHÁNH PHÁP. Nếu các chùa đều gây dựng được phong trào tu học CHÁNH PHÁP thì đất nước VN sẽ có rất nhiều PHƯỚC BÁU và sẽ được chư thiên hộ trì, để không một nước nào có thể xâm lăng được. Phật tử VN đang có được điểm phúc hơn các nước khác, là có đầy đủ cả 2 hệ thống giáo lý: GIÁO LÝ NGUYÊN THỦY (do ngài THÍCH MINH CHÂU phục hưng) và GIÁO LÝ ĐẠI THỪA.

Câu mong quý Phật tử tinh tấn tu học.  
Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha  
Tát  
NHƯ KHÔNG.



Vết rạn

Tuệ Sỹ

*Áo lụa mỏng đẹp bờ vai thiếu phụ  
Tóc nàng xanh chỉ nói một tình riêng  
Tôi nhạc sỹ, nhưng âm thầm ngược gió  
Nàng yêu chồng cho giấc ngủ bình yên  
Nắng lụa đỏ phủ tường rêu xám bạc  
Lá cây xanh nghiêng xuống mắt mơ màng  
Người có biết mặt trời kia sẽ tắt?  
Tôi yêu người từ vết rạn thời gian*

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giấc mơ Trường Sơn*, An Tiêm xuất bản, California, 2002

# Tranh Chăn Trâu

*Thích Nữ Như Thủy*

Mười bức tranh chăn trâu (Thập Mục Ngưu Đồ 十牧牛圖) được sáng tác vào thời nhà Tống (960-1279), tương ứng với quá trình hành đạo của một người phát nguyện đạt Giác ngộ. Mười bức tranh này có thể xem là biểu tượng cô đọng nhất, trình bày tinh hoa của Phật giáo Thiên tông Đại thừa.

Thơ Bảy Chữ Bốn Câu (Thất Ngôn Tứ Tuyệt): Quách An Thiên Sư (kuoān shīyuǎn)  
Họa-Sĩ: Một số họa sĩ Nhật - <https://terebess.hu/english/bulls.html>

Phân tiếng Anh trích từ: [https://en.wikipedia.org/wiki/Ten\\_Bulls](https://en.wikipedia.org/wiki/Ten_Bulls)

Phân chữ Tàu và âm Hán-Việt trích từ:

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Thập\\_mục\\_ngưu\\_đồ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thập_mục_ngưu_đồ)

Chuyển Dịch Thơ (7 chữ và 6-8) và tô màu tranh: Bùi Phạm Thành

Hoàn tất: Ngày 14 tháng 2 năm 2021 - Ngày mừng 3 Tết Tân Sửu.

## ① 尋牛

茫茫撥草去追尋。  
水闊山遙路更深。  
力盡神疲無處覓。  
但聞風樹晚蟬吟。



## 1. In Search Of The Bull

In the pasture of the world,  
I endlessly push aside the tall grasses in  
search of the Ox.

Following unnamed rivers, lost upon the  
interpenetrating paths of distant mountains,  
My strength failing and my vitality  
exhausted,  
I cannot find the Ox.

## 1. Tìm Trâu

*Bao la vạch cỏ tìm trâu,  
Đường xa núi thẳm sông sâu tìm hoài.  
Mỏi mòn kiệt sức mệt nhòai,  
Rừng phong vang vọng u hoài tiếng ve.*



## ② 見跡

水邊林下跡偏多。  
芳草離披見也麼。  
縱是深山更深處。  
遼天鼻孔怎藏他。

## 2. Discovery Of The Footprints

Along the riverbank under the trees,  
I discovered footprints.  
Even under the fragrant grass,  
I see his prints.  
Deep in remote mountains they are found.  
These traces can no more be hidden  
than one's nose, looking heavenward

## 2. Thấy Dấu

Ven rừng bờ nước dấu chân  
Vén cây vạch cỏ dần dần lộ ra  
Dấu cho núi thẳm trùng xa  
Ngát trời lỗ mũi hiện ra đây rồi.



## ③ 見牛

黃鶯枝上一聲聲。  
日暖風和岸柳青。  
只此更無迴避處。  
森森頭角畫難成。

## 3. Perceiving The Bull

I hear the song of the nightingale.  
The sun is warm, the wind is mild,  
willows are green along the shore -  
Here no Ox can hide!  
What artist can draw that massive head,  
those majestic horns?

## 3. Thấy Trâu

Hoàng oanh đang hát trên cành  
Gió êm nắng ấm liễu xanh giao hoà  
Lòng không muốn trở lại nhà  
Đầu sừng hùng vĩ ai đã vẽ nên.



## ④ 得牛

竭盡神通獲得渠，  
心強力壯卒難除。  
有時才到高原上，  
又入煙雲深處居。

## 4. Catching The Bull

I seize him with a terrific struggle.  
His great will and power are inexhaustible.  
He charges to the high plateau  
far above the cloud-mists,  
Or in an impenetrable ravine he stands

## 4. Bắt Trâu

*Dem ra hết sức bắt trâu,  
Bởi vì mãnh lực của trâu dồi dào.  
Có khi lên tận núi cao,  
Có khi lại xuống ẩn vào khói mây.*



## ⑤ 牧牛

鞭索時時不離身。  
恐伊縱步惹埃塵。  
相將牧得純和也。  
羈鎖無拘自逐人。

## 5. Taming The Bull

The whip and rope are necessary,  
Else he might stray off down some  
dusty road.  
Being well-trained, he becomes  
naturally gentle.  
Then, unfettered, he obeys his master.

## 5. Chăn Trâu

*Dây, roi, vật chẳng lìa thân,  
Ngại trâu lại vương bụi trần thế gian.  
Chăn khéo trâu sẽ thuần hoàn,  
Buông dây trâu vẫn sẵn sàng theo sau.*



6. Cưỡi Trâu Về Nhà

## ⑥ 騎牛歸家

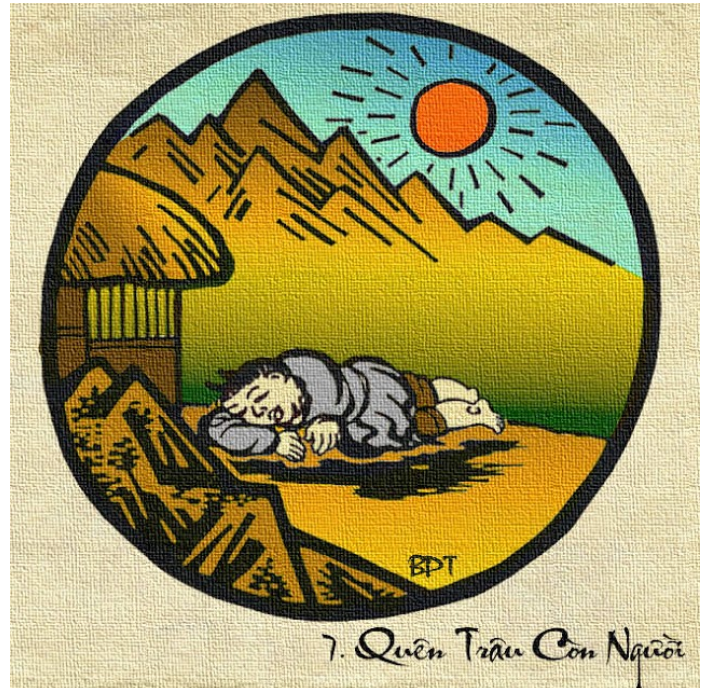
騎牛沫汁欲還家。  
霞笛聲聲送晚霞。  
一拍一歌無限意。  
知音何必鼓唇牙。

## 6. Riding The Bull Home

Mounting the Ox, slowly I return homeward.  
The voice of my flute intones through the evening.  
Measuring with hand-beats the pulsating harmony,  
I direct the endless rhythm.  
Whoever hears this melody will join me.

## 6. Cưỡi Trâu Về Nhà

Cưỡi trâu thong thả về nhà,  
Tiếng tiêu đưa tiễn chiều tà buông roi.  
Một nhịp hoà với một lời,  
Tri âm chẳng phải mở lời nói năng



7. Quên Trâu Còn Người

## ⑦ 忘牛存人

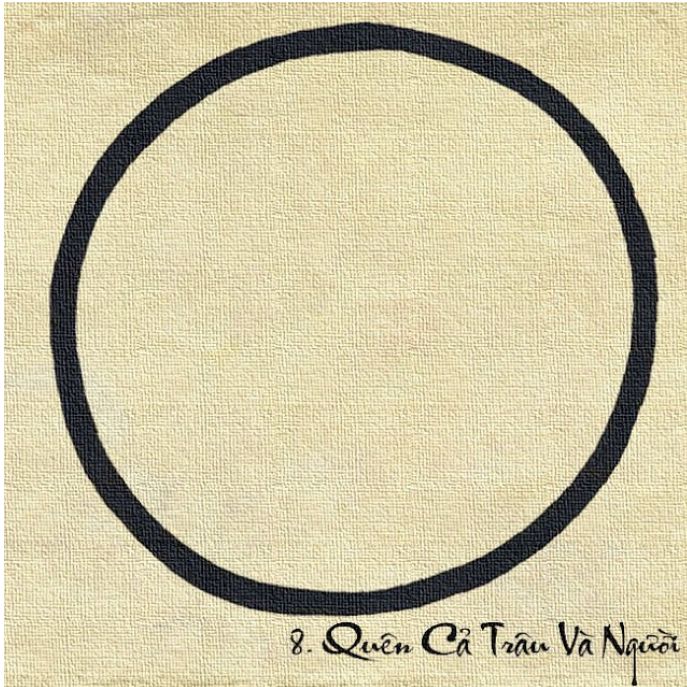
騎牛已得到家山。  
牛也空兮人也閑。  
紅日三竿猶作夢。  
鞭繩空頓草堂間。

## 7. The Bull Transcended

Astride the Ox, I reach home.  
I am serene. The Ox too can rest.  
The dawn has come. In blissful repose,  
Within my thatched dwelling  
I have abandoned the whip and ropes.

## 7. Quên Trâu Còn Người

Cưỡi trâu về tới quê nhà,  
Bỏ trâu ta cũng rồi ra an nhàn.  
Nắng lên mộng vẫn chưa tàn,  
Dây, roi bỏ mặc trên sàn nhà kia.



8. Quên Cả Trâu Và Người

## ⑧ 人牛俱忘

鞭索人牛盡屬空。  
碧天遼闊信難通。  
紅爐焰上爭容雪。  
到此方能合祖宗。

**8. Both Bull And Self Transcended**

Whip, rope, person, and Ox - all merge in  
No Thing.  
This heaven is so vast, no message can stain  
it.  
How may a snowflake exist in a raging fire.  
Here are the footprints of the Ancestors.

**8. Người, Trâu Cùng Quên**

*Người, trâu, roi, gậy đều không,  
Trời xanh bát ngát tin thông được nào.  
Lửa hồng tuyết động được sao,  
Đến đây mới được hợp vào tổ tông.*



9. Trở Về Nguồn Cội

## ⑨ 返本還源

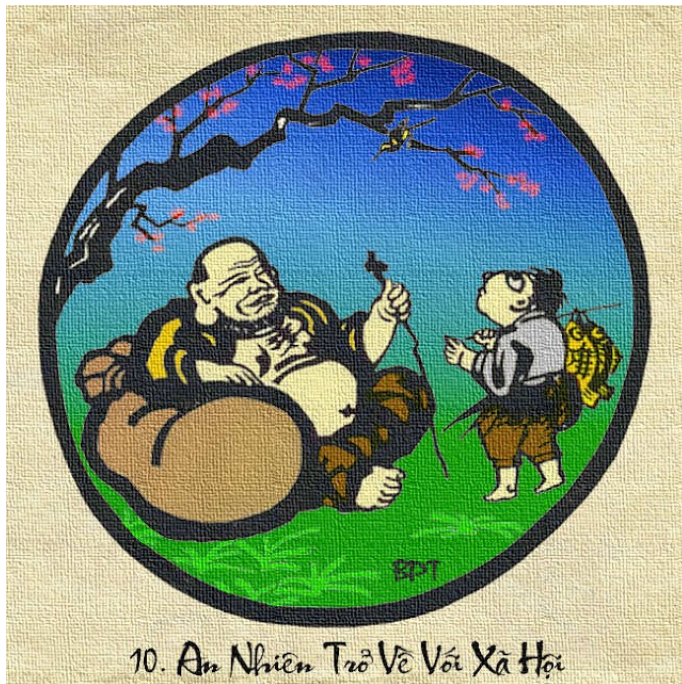
返本還源已費功，  
爭如直下若盲聾。  
庵中不見庵前物，  
水自茫茫花自紅。

**9. Reaching The Source**

Too many steps have been taken  
returning to the root and the source.  
Better to have been blind and deaf  
from the beginning!  
Dwelling in one's true abode,  
unconcerned with and without -  
The river flows tranquilly on  
and the flowers are red.

**9. Trở Về Nguồn Cội**

*Trở về nguồn cội hoài công,  
Chẳng bằng những kẻ vừa câm vừa mù.  
Trong am thấy được ngoài ư,  
Mênh mông nước chảy hoa đua sắc hồng*



### ⑩ 入塵垂手

露胸跣足入塵來，  
抹土塗灰笑滿腮。  
不用神仙真秘訣，  
直教枯木放花開。

### 10. Return To Society

Barefooted and naked of breast,  
I mingle with the people of the world.  
My clothes are ragged and dust-laden,  
and I am ever blissful.  
I use no magic to extend my life;  
Now, before me, the dead trees  
become alive.

### 10. Buông Tay Vào Chợ

*Ngực trần chân đất vào đời,  
Đất bùn bụi bặm vẫn cười an nhiên.  
Chẳng cần bí quyết thần tiên,  
Dạy cho cây chết cũng liền nở hoa.*

### Thằng Bạn Bất Lương (Tiếp theo trang 15)

- Chú Ba à! Số chú thật là may mắn. Món tiền hôm trước chú đưa cho anh chả thấm vào đâu... anh phải bù đắp thêm gấp bội và đã tậu cho chú đầy đủ cả nhà cửa ruộng vườn kang trang lắm! Anh những ước mong sao chú được trở về đó để anh lo bề gia thất cho chú xong xuôi thì có chết anh cũng cam lòng... ngặt vì tiền cưới xin hơi đắt. Vậy chú hãy cố gắng làm công thêm một năm nữa nhé.

Chàng Tâm cảm động trước lòng lo lắng của ông anh kết nghĩa nên “y giáo phụng hành.” Và tên bất lương lại cuỗm thêm một năm tiền công nữa... rồi ra đi.

Một năm sau, Ý lại trở về báo tin là đã lo cưới hỏi xong xuôi cho bạn. Cô vợ đảm đang hiện ở trong ngôi nhà mới mua dạo trước và hết lòng chăm sóc tài sản cho đáng phu quân.

Từ dạo đó, chàng Ý thường lai vãng đến trại dê để báo tin nhà và thúc hồi Tâm lo tiền thang thuốc cho vợ, hiếu hỷ cho ông nhạc, quà biếu bà mẹ vợ, đồ chơi cho lũ em vợ v.v...

Vài năm sau, Tâm lại phải làm thêm ca đêm để có tiền gởi cho ông anh kết nghĩa chăm sóc dưỡng nuôi giùm bây con đông đúc cả gái lẫn trai.

Đàn con tưởng tượng mỗi ngày một gia tăng, bổn phận làm cha làm chồng càng ngày càng nặng, rút dần mòn sức khỏe chàng trai khờ dại. Một hôm biết mình sắp kiệt sức, Tâm ngỏ lời với bạn rằng chàng muốn về nương cậy vợ con trong lúc tuổi già sức yếu, thì Ý liền sa sầm nét mặt, giọt ngắn giọt dài, báo hung tin:

- Chú ơi! Biết nói sao bây giờ đêm qua một cơn hỏa hoạn đã thiêu rụi cả nhà cửa ruộng vườn lẫn vợ con chú cả rồi... cuộc đời quả thật là vô thường. Anh không biết làm gì hơn là cùng chia sẻ những cái tang đau đớn này với chú vậy!



# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

## VIỆN TĂNG THỐNG

PHẬT LỊCH: 2564

Số: 07/VTT/VP

### LÁ THƯ NGÀY TẾT

Kính đánh lễ Chư Tôn Trưởng Lão  
Kính gửi Huynh đệ Bốn chúng,

Ngày đầu xuân, kính gửi đến Đại chúng niềm vui trong Chánh pháp, cùng chia sẻ Pháp lạc trong Giáo pháp hiện thế của Đức Thích Tôn, cùng hướng đến Giáo nghĩa đương lai của Đức Từ Tôn Vô Năng Thắng.

Trong những chu kỳ thành-trụ-hoại-không của thế giới, trong cái cộng nghiệp và biệt nghiệp của mỗi chủng loại, của mỗi dân tộc, nhân loại đã và đang trải qua những biến đổi trong thế giới tự nhiên, những biến động trong xã hội loài người, làm thay đổi tư duy của con người từ giáo nghĩa, giáo điều, tín lý của các tôn giáo, các hệ tư tưởng, gây nên những thế kỷ xung đột, bạo hành, chiến tranh, giữa các dân tộc, các tôn giáo.

Trong những cộng nghiệp và biệt nghiệp ấy, dân tộc Việt Nam cũng đang trải qua những biến đổi trầm trọng, từ hình thái tổ chức xã hội cho đến định hướng tư duy. Phật giáo Việt Nam cũng đã và đang chịu những thử thách lớn của thời đại, không chỉ xuất hiện những hình thái sinh hoạt biến đổi theo cơ cấu tổ chức của một xã hội tiêu thụ, mà chính trong tư duy cũng biểu hiện những giá trị lệch hướng, định hướng theo thị hiếu quần chúng, thỏa mãn nhu cầu tri thức thấp kém, những giá trị thế tục phù phiếm.

Khi mà những người học Phật bị mê hoặc

bởi các giá trị thế tục, diễn giải giáo nghĩa theo kiến thức nhặt lượm từ những thành tựu vụn vặt trong xã hội tiêu thụ, chánh kiến mờ nhạt dần, và Chánh pháp được thay thế bằng tượng pháp; vàng thật được thay thế bằng vàng giả, như Đức Phật đã giải thích cho Tôn giả Đại Ca-diếp: Khi vàng giả xuất hiện trong thị trường tiêu thụ, vàng thật biến mất. Đây là quy luật cần được hiểu theo ý nghĩa kinh tế học. Do bản thân vàng giả không hàm chứa giá trị nội tại, người tiêu thụ dễ dàng phung phí. Từ đó, tạo ra ảo tưởng về một xã hội phồn vinh, mà nhất định nó sẽ dẫn đến sự sụp đổ. Cũng vậy, những giá trị phù phiếm của tượng pháp vẽ ra ấn tượng hư cấu về một thời kỳ hưng thịnh của Chánh pháp, đồng thời cũng hàm chứa tín hiệu cho sự suy tàn tất yếu.

Phật giáo Việt Nam, trong hiện tại đang chứng kiến hiện tượng trăm hoa đua nở, mà bất cứ ai, có trí hay không có trí, có học hay không học, có đạo hay vô đạo, đều có thể phát ngôn tự ý và tự gán cho đó là Phật ngôn mà không thể tìm thấy bất cứ đâu trong kho tàng Thánh điển; được diễn giải tùy tiện nhằm thỏa mãn thị hiếu vật dục thấp hèn. Như một dự ngôn đã báo trước bằng ẩn dụ: đem vàng đi đổi củi; mang giáo nghĩa giải thoát cao thượng đổi lấy những giá trị thế tục được cho là giá trị văn minh thời đại.

Quả thực, với những hiểu biết giáo lý nông cạn không được thực chứng qua công phu tu tập, tu trì nghiêm mật, giữa thời đại mà nhiễu loạn thông tin đang là công cụ đặc lực cho các tham vọng quyền lực, đam mê tài

sản, hấp dẫn tiêu thụ, thật khó mà phân biệt thật với giả, chánh tín với tà tín và cuồng tín. Đó là hiện tượng mà ngày nay nó được gọi là sự nhiễu loạn thông tin qua các mạng truyền thông xã hội.

Nhiều loạn thông tin, tuyên truyền phổ biến những giá trị hư cấu, có thể nói, cũng được tìm thấy, từ xa xưa, như là tín hiệu xã hội cho các giai đoạn thăng trầm của các cộng đồng dân tộc và tôn giáo. Những giá trị hư cấu được phổ biến gây nên ảo giác về một xã hội phồn vinh; cũng vậy, Phật ngôn hư cấu tác thành vọng tưởng về sự hưng thịnh của Chánh pháp, và lịch sử quá khứ cũng như hiện tại đã và đang chứng kiến sự suy thoái đạo đức trong các chúng đệ tử Phật.

Tuy nhiên, như mặt trời giữa hư không, sau những lúc bị mây mù, khói bụi che khuất, rồi cũng xuất hiện tỏa sáng thế gian. Cũng vậy, mặt trời trí tuệ, vốn là Giác tính uyên nguyên của mọi loài chúng sinh, trong sinh tử trường kỳ bị che lấp bởi khách trần phiến não, rồi cũng sẽ bừng sáng khi nhân duyên hội đủ. Đạo Phật Việt Nam, kể từ thời dựng nước, độc lập và tự chủ, đã dung hội giác tính trong nhất thể dân tộc, trải qua những thăng trầm, vinh nhục của lịch sử, vẫn tự tin và đứng dậy từ những sụp đổ đau thương.

Vũ trụ xoay vần trong các chu kỳ thành-trụ-hoại-không, thiên nhiên xoay vần trong bốn mùa xuân-hạ-thu-đông, những người con Phật, qua các giai đoạn thịnh suy, bĩ thái của dân tộc và nhân loại, vẫn hướng đến tương lai trong ánh sáng Từ bi và Trí tuệ, trong ngày Xuân Di-lặc, trong nụ hoa vi tiếu của Đức Từ Tôn Vô Năng Thắng.

Kính chúc đại chúng ngày Xuân tăng ích và an lạc trong Chánh Pháp.

Nam-mô Đương lai Thế Tôn Từ Thị  
Vô Năng Thắng.

Phật lịch 2564, Xuân Tân Sửu, 2021

Thiện Thệ Tử Thích Tuệ Sỹ



## Ta về

*Ta về bỏ lại đằng sau  
Chữ danh, chữ lợi biển dâu chữ tình  
Ta về sống với chính mình  
Trút đi cái vỏ hư vinh một thời.  
Ta về vui với đất trời  
Gom mây làm áo rong chơi cõi hồng.  
Ta về lắng đục khơi trong  
Bôn ba chi cũng lòng vòng được, thua.  
Ta về vui với bốn mùa  
Trăng sao làm bạn, chuông chùa kết thân.  
Ta về quên chuyện ngã nhân  
Hư tình giả ý cõi trần dãi bôi.  
Ta về tìm một chỗ ngồi  
Mặc đời xuôi ngược miếng mồi đỉnh chung .  
Đời kia có nói không cùng  
Tới lui vui khổ.. lạ lòng chẳng qua!  
Ta về rũ bỏ kiêu xa  
Quên nhà máy lạnh, hoan ca, tiệc tùng..  
Nhân gian cười, bảo ta khùng  
Làm duyên một nụ, ” thôi đừng phân bua! ”  
Sáng nay nhẹ bước vào chùa  
Ồ, cảnh Sen trắng cũng vừa mãn khai!  
Chợt ta bắt gặp hình hài  
Ngày chưa rời bỏ Liên đài mộng du...*

Như Nhiên

TTT

# THIỀN SƯ DAISETSU TEITARO SUZUKI, NGƯỜI ĐƯA THIỀN VÀO MỸ

*Huỳnh Kim Quang*



Phật Giáo có mặt ở Mỹ vào giữa thế kỷ thứ 19, qua giới trí thức văn nghệ sĩ và các di dân từ Trung Hoa và Nhật Bản. Nhưng phải đợi đến đầu thế kỷ 20, khi học giả và thiền sư người Nhật Daisetsu Teitaro Suzuki viết sách bằng tiếng Anh truyền bá Thiền Tông tại Mỹ thì mới làm cho Thiền Phật Giáo thành món ăn tinh thần đặc biệt và hấp dẫn không những với người Mỹ mà còn với cả thế giới Tây Phương.

Trong lời giới thiệu cho tác phẩm “An Introduction to Zen Buddhism” [Giới Thiệu Thiền Phật Giáo] của Suzuki được xuất bản năm 1949, nhà tâm phân học nổi tiếng Carl G. Jung đã viết rằng, “Các tác phẩm của Suzuki về Thiền Tông là nằm trong số những đóng góp tốt nhất cho sự hiểu biết về Phật Giáo sống động mà nhiều thập niên gần đây đã tạo ra... Chúng tôi không thể nói hết

sự biết ơn đối với tác giả.”

## Cuộc đời của Thiền Sư Daisetsu Teitaro Suzuki

Daisetsu Teitaro Suzuki sinh ngày 11 tháng 11 năm 1870 và mất ngày 12 tháng 7 năm 1966 tại thành phố Kamakura, Nhật Bản, theo [www.en.wikipedia.org](http://www.en.wikipedia.org). Có nơi nói ông sinh vào tháng 10, nhưng năm sinh của ông thì tất cả tài liệu đều giống nhau. Ông sinh ra tại Honda-machi, Kanazawa, Quận Ishikawa, Nhật Bản. Ông là người con trai thứ tư trong gia đình mà người cha là y sĩ Ryojun Suzuki. Pháp Danh Daisetsu của ông đã được Thầy Bồn Sư của ông là Thiền Sư Soyen Shaku [Thích Tông Diễn] ban cho. Thiền Sư Soyen Shaku cũng là người đầu tiên dạy Thiền ở Mỹ. Giai cấp võ sĩ đạo mà Suzuki được sinh ra đã suy tàn với sự sụp đổ của chế độ phong kiến, buộc mẹ của ông là

nữ Phật tử Jōdo Shinshū đã nuôi dưỡng ông trong hoàn cảnh nghèo đói sau khi cha của ông qua đời. Khi ông đủ lớn khôn để suy nghĩ về số phận của mình được sinh trong bối cảnh này, ông bắt đầu tìm câu trả lời trong nhiều hình thức khác nhau của tôn giáo. Trí tuệ bén nhạy và sâu sắc tự nhiên của ông đã khó chấp nhận một số vũ trụ quan mà ông đã gặp.

Suzuki đã học tại Đại Học Waseda University và University of Tokyo. Suzuki tập trung vào việc học các thứ tiếng Trung Quốc, Bắc Phạn [Sanskrit], Nam Phạn [Pali], và nhiều ngôn ngữ Tây Phương khác. Trong những năm học tại University of Tokyo, Suzuki đã đến thực hành Thiền tại Chùa Engaku-ji [Viên Giác Tự] tại thành phố Kamakura.

Suzuki đã sống và học nhiều năm với triết gia, học giả và nhà văn người Mỹ gốc Đức Paul Carus. Suzuki biết được Carus qua sự giới thiệu của Thiền Sư Soyen Shaku, nhân khi gặp ông ấy tại Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới được tổ chức tại Chicago vào năm 1893. Carus lúc đó sống tại thành phố LaSalle thuộc tiểu bang Illinois đã đến gặp Soyen Shaku để nhờ ngài giúp chuyển dịch và chuẩn bị tác phẩm văn chương tinh thần Đông Phương để xuất bản tại Tây Phương. Soyen Shaku đã đề nghị môn đệ của mình là Suzuki giúp làm việc này. Suzuki sống tại nhà của Carus, đúng hơn là Dinh Thự Hegeler Carus, và làm việc với ông, lúc đầu dịch cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử từ chữ Hán cổ. Tại Illinois, Suzuki bắt đầu phác thảo tác phẩm “Outlines of Mahayana Buddhism” [Đại Cương Về Phật Giáo Đại Thừa].

Riêng Carus thì đã viết cuốn sách đưa ra cái nhìn sâu hơn và tổng quan về Phật Giáo, có

tựa đề “The Gospel of Buddha” [Giáo Thuyết Của Đức Phật]. Thiền Sư Soyen Shaku đã viết giới thiệu cho cuốn sách này, và Suzuki đã dịch cuốn sách sang tiếng Nhật. Lúc đó, sắp bước sang thế kỷ mới, khá nhiều người Tây Phương và Á Châu (gồm Carus, Soyen, và Suzuki) tham gia vào công cuộc phục hưng Phật Giáo trên toàn thế giới mà đã bắt đầu từ từ vào thập niên 1880s.

Vào năm 1911, Suzuki kết hôn với Beatrice Erskine Lane, một sinh viên tốt nghiệp Trường Radcliffe và là tín đồ thông thiên học với nhiều liên hệ với Đạo Bahá'í tại Mỹ và Nhật.

Ngoài việc sống ở Hoa Kỳ, Suzuki cũng đi qua Châu Âu trước khi trở về Nhật làm giáo sư. Vào năm 1909, Suzuki làm phụ tá giáo sư tại Đại Học Gakushuin và tại Đại Học Tokyo. Suzuki và người vợ đã cống hiến tận tình cho sự truyền bá kiến thức về Phật Giáo Đại Thừa. Cho đến năm 1919 họ sống tại một căn nhà thô sơ trên khu đất của Chùa Viên Giác, rồi dọn về Kyoto, nơi Suzuki bắt đầu làm giáo sư thực thụ tại Đại Học Ōtani University vào năm 1921. Trong khi ông ở Kyoto, ông đã đến viếng thăm Tiến Sĩ Hoseki Shin'ichi Hisamatsu, một học giả Phật tử Thiền, và họ đã cùng nhau thảo luận về Thiền tại Shunkō-in [Xuân Quang Viện] trong quần thể của Myōshin-ji [Diệu Tâm Tự].

Năm 1921, năm mà ông dạy tại Đại Học Ōtani, ông và vợ đã sáng lập Hội Phật Giáo Đông Phương. Hội này tập trung vào Phật Giáo Đại Thừa và cung cấp các bài giảng và các buổi hội luận, và xuất bản tạp chí học thuật có tên The Eastern Buddhist [Phật Tử Đông Phương]. Suzuki vẫn duy trì các mối quan hệ với Tây Phương, chẳng hạn, đọc tham luận tại Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới vào năm 1936, tại Đại Học London (ông là giáo

sur trao đổi trong năm này).

Ngoài việc dạy về thực hành Thiền và lịch sử Thiền Tông, Suzuki còn là một học giả chuyên môn về triết học tương quan, mà trong tiếng Nhật gọi là Kegoan, mà ông cho là sự diễn giải trí tuệ của kinh nghiệm Thiền. Là giáo sư triết học Phật Giáo trong những thập niên giữa thế kỷ hai mươi, Suzuki đã viết nhiều bài giới thiệu và nghiên cứu tổng quát về Phật Giáo, và đặc biệt về Thiền Tông. Ông đã thực hiện chuyến đi thuyết trình tại các đại học Mỹ vào năm 1951, và đã dạy tại Đại Học Columbia từ năm 1952 tới 1957.

Suzuki đặc biệt thích thú vào các thể kỷ hình thành của truyền thống Phật Giáo tại Trung Hoa. Nhiều bài viết của Suzuki bằng tiếng Anh liên quan đến các bản dịch và thảo luận của nhiều văn bản Thiền như Biyan Lu (Blue Cliff Record – Bích Nham Lục) và Wumenguan (Mumonkan/Gateless Passage – Vô Môn Quan), đã ghi lại các cách dạy và những lời dạy của các thiền sư Trung Hoa thời xưa. Ông cũng thích thú trong cách mà truyền thống này, đã từng được du nhập vào Nhật Bản, đã ảnh hưởng đến tính cách và lịch sử Nhật Bản, và đã viết về điều này bằng tiếng Anh trong Thiền và Văn Hóa Nhật Bản.

Ngoài các tác phẩm về Đông Phương nổi tiếng, Suzuki đã dịch Kinh Nhập Lăng Già (Lankavatara Sutra) và viết chú giải về thuật ngữ tiếng Phạn của bộ Kinh này. Ông đã xem xét những nỗ lực của Saburō Hasegawa, Judith Tyberg, Alan Watts và những người khác là những người làm việc trong Viện Nghiên Cứu Á Châu California (California Academy of Asian Studies) mà hiện được biết là California Institute of Integral Studies, tại San Francisco vào thập niên 1950s. Trong những năm cuối đời, ông

bắt đầu khám phá niềm tin Jōdo Shinshū [Tịnh Độ Chân Tông] của mẹ ông, và đã giảng dạy về Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông tại các Giáo Hội Phật Giáo Mỹ.

Suzuki đã thực hiện dang dở việc dịch sang tiếng Anh về Kyogyoshinsho [Giáo Hạnh Tín Chứng], giáo thuyết quan trọng của ngài Shinran [Thân Loan], là vị tị tổ của Tịnh Độ Chân Tông. Tuy nhiên, Suzuki đã không cố gắng phổ biến giáo nghĩa Tịnh Độ tại Tây Phương, vì ông tin rằng Thiền là thích hợp với sở thích Tây Phương đối với sự huyền bí của Đông Phương, dù ông được trích thuật nói rằng Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông là “sự phát triển đáng chú ý nhất của Phật Giáo Đại Thừa đã từng du nhập vào Đông Á.” Suzuki cũng thích thú với sự thần bí Thiền Chứa Giáo và trong một số sự thần bí quan trọng nhất của Tây Phương, thí dụ, Meister Eckhart, là người mà ông so sánh với các truyền nhân của Tịnh Độ Chân Tông gọi là Myokonin [Diệu Hảo Nhơn]. Suzuki cũng là người đầu tiên mang nghiên cứu về Myokonin cho các khán giả ngoài Nhật Bản. Các tác phẩm khác của ông gồm “Essays in Zen Buddhism” [Thiền Luận – 3 cuốn, đã được Trúc Thiên và Thích Tuệ Sỹ dịch sang tiếng Việt tại Việt Nam trước năm 1975], “Studies in Zen Buddhism” [Nghiên Cứu Về Phật Giáo Thiền], và “Manual of Zen Buddhism” [Cẩm Nang Về Phật Giáo Thiền].

Triết gia người Mỹ William Barrett đã biên soạn nhiều bài viết và khảo luận của Suzuki liên quan đến Thiền trong tuyển tập có tên “Zen Buddhism” được xuất bản vào năm 1956.

**Quan điểm của Suzuki về Thiền**  
(Còn tiếp)

# Bâng khuâng, Mùa Xuân lại về!

Nguyễn Hạnh HTD

Thế là đã hơn 16 năm rồi tôi chưa về quê hương ăn Tết. Xuân và hoa vẫn tung bùng ở đó mà người ra đi đã mất chỗ ở quê hương! Tôi chưa hưởng lại không khí rộn ràng, đầm ấm của những ngày Tết ở quê nhà; mỗi lần nhớ đến lòng tôi xôn xao vừa ngậm ngùi, chạnh nghĩ về quê xưa mà lòng se sắt nhớ!

Thời gian trôi thật nhanh, ngày tháng cứ lao vùn vụt như tên bay. Cuộc đời tưởng đã tang hoang mênh mông bất trắc, vào quê hương mới không biết đứng ở vị trí nào, chỉ muốn tan loãng vào các thế giới không tên tuổi cho qua ngày tháng! Rồi dần dần mọi điều không như ý lúc ban đầu đã được cải thiện, đã hội nhập được với dòng sông chính của Cộng đồng và đời tôi đã bớt lênh đênh chìm nổi. Tôi tưởng mình đã đi vào lòng cuộc sống ở đây, hóa ra tôi vẫn đứng ngoài lề, lòng vẫn đón đau khi thấy thiên hạ đón mừng Năm Mới của họ, nghe tiếng pháo nổ mà mắt tôi hai giọt lệ muốn ứa trào!

Tết ở quê người buồn quá, tuyết trắng mênh mông buốt giá chập chùng, buốt cả tâm can. Ngồi ở đây, trong u buồn của mùa đông âm đạm, lòng tôi không khỏi chùng xuống khi nghĩ đến giờ này, bên nhà dù nghèo dù cực đến đâu, gia đình nào cũng cố gắng chuẩn bị cho những ngày Tết, tạm quên đi những vất vả áo cơm hàng ngày, không giống như khu phố tôi đang ở, giao thừa không tiếng pháo, vẫn im vắng lặng lờ lờ với bóng tối của những con đường dài hun hút thâm sâu.

Tôi nhớ về Huế của tôi, quê hương nghèo

lắm ai ơi, phải trải qua những ngày tháng mưa dầm lũ lụt, mưa không ngớt lạnh thấu xương; mưa rơi mãi giọt ngán giọt dài, buồn cứ như đọng lại từng giọt không muốn bay đi. Có khi mưa không nhớ ngày, kéo dài cả tháng, trời Huế luôn luôn tím mây u buồn.

Tôi thường xót xa cho xứ Huế phải chịu đựng cả một mùa đông tê tái nhưng rồi tháng chạp cũng qua mau, khắc nghiệt bớt dần cho Huế vui hơn một chút. Mưa phùn dịu dịu, trời lát phát mưa bay, một thoáng nắng rất nhẹ, mong manh sợi tơ trời ẻo lả như nhắc nhở Xuân đã về và Huế lao xao mùa cưới. Không hiểu sao người ta cứ chờ đến gần Tết mới cưới nhau, có lẽ tình Huế hòa theo cái ấm áp êm ả của tiết Xuân bắt đầu và các cô dâu Huế sẽ rung rung trong hạnh phúc đầu Xuân chăng?

Huế bắt đầu hanh nắng, mưa phùn cho cỏ cây mượt xanh. Từ lúc đó, Huế như bừng sống lại, để mừng Xuân đây đó, nhà cửa được sơn quét lại, cây cỏ hàng rào được tỉa cắt vun xới. Trong nhà, đồ thờ bằng đồng được bày biện khàng trang trên mặt tủ chè chạm trổ tinh vi sau khi đã được đánh bóng sáng choang.

Tôi nhớ những đêm cùng anh chị thức canh nồi bánh tét, lòng nôn nao nghe tiếng pháo vọng xa xa trong màn đêm tĩnh mịch. Nhà nào cũng rực rỡ với mai vàng, vạn thọ khoe sắc bên những cành đào phai phớt. Đẹp nhất vẫn là chợ hoa ngày Tết, say sưa đi trong những rừng hoa thược dược, hoa cúc, mẫu đơn, hải đường... những chậu tắc nặng trĩu cả trái che lấp hết lá, đứng xa trông như một

tắm lụa vàng rực rỡ và cũng bán khoán không ít khi mình muốn chọn cho được một cành mai vừa ý. Tôi đã gặp biết bao nhiêu loại kỳ hoa dị thảo giữa xứ người, quanh tôi đâu cũng có hoa, những bông hoa to tướng lộng lẫy sắc màu, thơm ngập mũi nhưng cũng không thể làm tôi quên được những cánh mai vàng của quê nhà.

Đúng là mùa Xuân đã thật sự trở về trong mưa Xuân phơi phới, Huế dịu dàng một thoáng lạnh đủ làm đôi má nhuộm hồng, đôi môi se thắt. Người Huế đón Xuân hiền hòa, đầm thắm nhẹ nhàng như những nụ đào, nụ mai e ấp từ từ bước vào tiết Xuân. Đường phố rộn rịp, người thiếu nữ Huế sẽ bận rộn nhiều hơn với những sinh hoạt đón Tết trong gia đình, phải làm đủ các thứ nào là mứt gừng, mứt thơm, mứt dừa, mứt khoai, mứt tắc v.v... Làm con gái Huế khổ cực lắm chứ không sung sướng gì đâu, phải công dung ngôn hạnh, phải biết làm các thứ mứt, bánh, nếu không sẽ bị nhà chồng chê bai. Những ngày mới về làm dâu nhà chồng, tôi sợ nhất là những ngày có đám giỗ lớn, phải làm nhiều thứ bánh, mứt, phải khéo tay mà tôi thì vốn vụng về. Ba tôi thường an ủi rằng học chữ mới khó chứ học các món nữ công không khó lắm đâu nhưng sao tôi thấy con đường đó vẫn gian nan hơn con đường tôi đi đến trường nhiều lắm!

Rồi tới 28, 29 Tết mùi hương trầm đã thơm ngào ngạt khắp nơi; đến đêm 30 khói hương trầm bay từ nhà này sang nhà kia, ấm cúng vô cùng. Ngày còn đi học, còn ở tuổi xuân thì mộng mơ, tôi trân quý không khí trang nghiêm huyền diệu của đêm giao thừa vô cùng. Trong bầu không khí tĩnh mịch của đêm trừ tịch đó, tôi thường hay viết nhật ký, ghi lại những cảm giác xôn xao rung động trong lòng mình, ngồi chờ tiếng pháo giao thừa như một lời vẫy gọi đón chào những

ngày Xuân sắp đến. Lòng lúc nào cũng tràn đầy hy vọng Năm Mới sẽ mang đến cho mình những êm đẹp hơn, tương lai sáng sủa hơn.

Những ngày Tết còn rộn ràng xôn xao những câu chúc tụng nhau trên con đường xóm nhỏ dập dìu người qua kẻ lại khi tôi trở về làng quê thăm bà con họ hàng. Tôi nhớ mãi không khí nồng ấm của những ngày Xuân, chan hòa tình làng nghĩa xóm, nét mặt mọi người đều vui tươi hơn hớn và tràn ngập yêu thương.

Ôi! màu sắc mùa Xuân đã làm ấm cúng không khí của mọi gia đình; ngoài kia mưa bay nhẹ nhàng cho mát mẻ không gian. Huế ao ước những ngày mưa phùn nên thơ, ngây ngất hương Xuân và ấm áp tình người kéo dài thêm chút nữa cho sông Hương mãi mãi êm đềm tình Huế. Còn tôi vẫn là kiếp tha hương nhưng lòng vẫn mong mỗi một ngày về hưởng lại cái Tết thanh bình trong căn nhà xưa cũ mái ngói rêu phong, nơi tôi đã lớn lên cùng những cây chanh, cây bưởi, gốc mai trước sân cùng những bụi chuối, cây mít, cây nhãn sau vườn cũng như để cho tôi được sống lại những ngày xưa thân ái mà tôi vẫn hằng ôm ấp trong lòng dù không gian biệt lập, dù thời gian đã rêu xanh.

Nguyễn Hạnh – HTD.



### **VỀ bài đăng báo Phật Học**

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học**



**HỘ PHÁP**

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc  
P.O. Box 221483  
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368